| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH V** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày 21/11/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***: Ông Trần Văn Sơn

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên toà***: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Ng**, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1983 tại tỉnh V; nơi cư trú: thôn R, xã X, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam,đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 70-QĐ/UBKT ngày 04/11/2019 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L; con ông Nguyễn Văn D và bà Kiều Thị L; có chồng là Lê Xuân T và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

- *Người chứngkiến:* Ông Trần M, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn R, xã X, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 14/10/2019, Nguyễn Thị Ng đang bán hàng ở quán tạp hóa tại nhà ở của Nga thì có Nguyễn Văn B và đối tượng tự khai là Nguyễn Văn H (tên gọi khác là Th) ở xã H, huyện T, tỉnh V đến mua thuốc lá và nước uống. Khi đang ngồi uống nước ở quán thì B hỏi Ng: "Chị ghi cho em mấy con đề", Ng đồng ý và lấy ra 01 quyển sổ dạng vở học sinh, 01 chiếc bút bi mực

màu đen rồi cùng B, H ngồi xuống bàn uống nước ở nhà Ng. B đọc và mua các số đề 57, 93, 98, 08, 68, 90, 43, 91, 02, 20 mỗi số 50.000đ; mua các số lô 81, 82, 66, 38, 46, 59 mỗi số 20 điểm, mỗi điểm 23.000đ để Ng viết vào sổ. Sau đó, Ng xé từ quyển sổ ra một mảnh giấy và viết các số lô, số đề vào mảnh giấy (cáp), ký tên Ng rồi đưa cho B. Tổng số tiền B phải trả cho Ng là 3.260.000đ, B nhận cáp rồi lấy 3.150.000đ đưa cho Ng cầm. Cùng lúc này, H cũng hỏi mua của Ng các số đề 38, 83, 33, 88 mỗi số 100.000đ; mua số lô 38 bằng 50 điểm và số lô 82 bằng 20 điểm, mỗi điểm 23.000đ. Ng cũng viết các số lô, số đề này vào sổ và ghi ra cáp, ký tên Ng rồi đưa cho H. H nhận cáp và đưa cho Ng 2.010.000đ. Ng đếm lại thấy đủ và đúc vào túi quần bên trái, rồi đếm lại số tiền B đưa cho trước đó thấy thiếu tiền nên Ng nói: "Của em còn thiếu" và để tiền xuống mặt bàn thì B nói: "Vậy thì em đưa thêm". Khi B vừa nói xong thì Công an huyện L phát hiện bắt quả tang; thu giữ trong túi quần của Ng 2.010.000đ là tiền bán số lô số đề cho H (Th) và thu trên mặt bàn uống nước số tiền 3.150.000đ là tiền do Ng bán số lô, số đề cho B; 01 quyển sổ dạng vở học sinh và 02 mảnh giấy (cáp lô, đề) bên trong có ghi các số lô, số đề Ng vừa bán cho B và H (Th); 01 chiếc bút mực màu đen Ng dùng để ghi các số lô, số đề.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Ng và các đối tượng đều khai nhận thống nhất mức sát phạt trúng lô, đề là: Kết quả lô, đề căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào 18h hàng ngày để làm căn cứ xác định thắng hay thua. Số lô là số các con bạc mua đối chiếu với hai số cuối của tất cả các giải mở thưởng, nếu có số lô nào trùng thì con bạc đó thắng. Một điểm lô tương ứng với số tiền người mua phải bỏ ra là 23.000đ, nếu không trúng thì người mua mất 23.000đ, nếu trúng thì người mua được trả 80.000đ/1 điểm. Số đề là số mà người mua đối chiếu với hai chữ số cuối cùng của giải đặc biệt, nếu trùng là trúng thưởng và được 70 lần số tiền đã mua.

Ngoài ra, đối tượng B khai nhận: ngày 11/10/2019, tại quán bán hàng nước của Ng, B có mua của Ng 10 số đề, mỗi số 10.000đ, nhưng kết quả B không trúng số đề nào nên Ng đã được hưởng lợi 100.000đ. Nguyễn Thị Ng xác nhận đúng và ngày 20/10/2019, Nga đã tự nguyện giao nộp số tiền 100.000đ nêu trên cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền B sử dụng để đánh bạc là 3.250.000đ. B chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên lần vi phạm này không thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 01/11/2019, Công an huyện L đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Nguyễn Văn B 350.000đ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tự khai là Nguyễn Văn H (Th) ở xã H, huyện T, tỉnh V. Quá trình làm việc với Cơ quan Công an, H lợi dụng sơ hở bỏ trốn, Cơ quan điều

tra đã xác minh trên địa bàn xã H, huyện T nhưng không xác định được người có lai lịch như Hùng tự khai nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 82/QĐ-VKS ngày 07/11/2019, Viện kiểm sát nhân huyện L, tỉnh V truy tố Nguyễn Thị Ng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị Ng và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ng phạm tội "Đánh bạc"; xử phạt Nguyễn Thị Ng từ 08 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ và xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỒI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Viện kiểm sát nhân huyện L đã truy tố. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 14/10/2019, tại thôn rừng Ch, xã X, huyện L, tỉnh V, Nguyễn Thị Ng đã thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức bán số lô, số đề cho các đối tượng Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H (tên gọi khác tự khai là Th) với tổng số tiền là 5.160.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Ng đã phạm vào tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật như sau:

*"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý Nhà nước về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương và dư luận bất bình trong nhân dân. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, đánh bạc trái phép ngay giữa ban ngày với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.160.000đ. Ngoài ra, ngày 11/10/2019, Ng còn bán cho B 10 số đề, mỗi số 10.000đ, nhưng kết quả B không trúng số đề nào nên Ng đã được hưởng lợi 100.000đ**.** Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm chung.

[3] Xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thị Ng là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bố đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, chỉ cần xử phạt bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, như vậy cũng đủ điều kiện để bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".* Xét thấy cần phải xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 5.260.000đ thu giữ của Nguyễn Thị Ng, gồm: 5.160.000đ là tiền Ng và các đối tượng B, H sử dụng vào việc đánh bạc ngày 14/10/2019 và 100.000đ là tiền Ng và B sử dụng vào việc đánh bạc ngày 11/10/2019, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

01 chiếc bút mực màu đen mà bị cáo Nga dùng để ghi số lô, số đề khi bán cho Bằng và Hùng là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

02 mảnh giấy (cáp lô,đề) thu giữ của Nguyễn Văn B và đối tượng tự khai Nguyễn Văn H, 01 quyển vở bên trong có ghi các số lô, số đề Ng bán cho B và H là tài liệu chứng minh tội phạm, nên cần tịch thu và lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Tuyên bố**: Bị cáo Nguyễn Thị Ng phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử phạt**: Bị cáo Nguyễn Thị Ng 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04(bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt tiền Nguyễn Thị Nga 10.000.000đ (mười triệu) sung quỹ Nhà nước.

**Về xử lý vật chứng**:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Ng số tiền 5.260.000đ.

Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bút mực màu đen.

Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 02 mảnh giấy bên trong ghi các số lô, số đề và 01 quyển vở học sinh bên trong có ghi các số lô, số đề.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).

**Về án phí**: Bị cáo Nguyễn Thị Ng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã X;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**Đã ký và đóng dấu**

**Trần Văn Sơn**